

Số: 28 /BC -UBND

Hung Yên, ngày 27 tháng 02 năm 2014

BÁO CÁO

Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân tỉnh Hưng Yên (2011 - 2013)

Kính gửi: Ủy ban Pháp luật của Quốc hội.

Thực hiện Công văn số 2204/UBPL13 ngày 02/01/2014 của Ủy ban pháp luật của Quốc hội về báo cáo kết quả công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo (KNTC); Kế hoạch giám sát số 2202/KH-ĐGS ngày 02/01/2014 của Đoàn giám sát của Ủy ban pháp luật của Quốc hội về việc giám sát công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân thuộc thẩm quyền của cơ quan hành chính nhà nước, thời điểm từ năm 2011 đến năm 2013; Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên báo cáo như sau:

I. VIỆC BAN HÀNH CÁC VĂN BẢN VỀ GIẢI QUYẾT KNTC

Quốc hội ban hành văn bản pháp luật như Luật KNTC 1998; luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật KNTC năm 2004; Luật Khiếu nại năm 2011; Luật Tố cáo năm 2011 và các văn bản quy phạm pháp luật khác mà Chính phủ và các bộ ngành đã ban hành...; đã tạo hành lang pháp lý tương đối đầy đủ và ngày càng hoàn thiện để điều chỉnh công tác giải quyết KNTC.

Để thực hiện các văn bản pháp luật, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Hưng Yên đã ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo các sở ngành, các huyện, thành phố tăng cường công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC; trong đó tập trung giải quyết các vụ việc đông người, bức xúc, kéo dài như: Nghị quyết 10-NQ/TU ngày 25/02/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 21/3/2013 của UBND tỉnh về tập trung khắc phục có hiệu quả tình trạng khiếu nại, tố cáo đông người vượt cấp ở các xã trong vùng Dự án Khu đô thị Thương mại-Du lịch Văn Giang; Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 30/7/2010 của UBND tỉnh và Công văn số 1944/UBND-NC ngày 17/11/2010 triển khai thực hiện Đề án đổi mới công tác tiếp dân theo Quyết định số 858/QĐ-TTg ngày 14/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ; Công văn số 1096/UBND-TCD ngày 09/7/2013 của UBND tỉnh về việc nâng cao hiệu quả tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật trong công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo; các Công văn số của UBND tỉnh chỉ đạo việc phối hợp tổ chức tiếp công dân phục vụ các kỳ họp của Trung ương Đảng và Quốc hội;...

II. TÌNH HÌNH KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

1. Khái quát tình hình và nội dung KNTC:

Trong hai năm 2011 - 2013, tình hình khiếu nại, tố cáo trên địa bàn tỉnh vẫn diễn ra phức tạp. Những vụ việc phức tạp, kéo dài chủ yếu là các vụ trước đây, đã được các cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết, nhưng công dân chưa đồng tình, nên vẫn tiếp tục KN, TC.

1.1. Tiếp nhận, phân loại, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo:

Tổng số đơn thư nhận được từ năm 2011 đến năm 2013: 1.098 (khiếu nại: 522; tố cáo: 576). Trong đó:

- + Cấp tỉnh: 272 đơn (khiếu nại: 91; tố cáo: 181);
- + Cấp huyện: 473 đơn (khiếu nại: 160; tố cáo: 313);
- + Cấp sở, ngành: 353 đơn (khiếu nại: 271; tố cáo: 82).

Việc tiếp nhận đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh đã được xử lý theo quy định. Đối với đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền được thụ lý giải quyết; đơn thư khiếu nại, tố cáo không thuộc thẩm quyền, đơn đề nghị, kiến nghị, phản ánh đã giao cấp có thẩm quyền giải quyết, trả lời công dân hoặc hướng dẫn công dân gửi đơn đến cơ quan có thẩm quyền thụ lý, giải quyết.

1.2. Về nội dung khiếu nại: Đa số các trường hợp khiếu nại có liên quan đến việc Nhà nước thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ GPMB để thực hiện các dự án như: giá đất ở, nâng giá bồi thường, tăng tiền hỗ trợ, bố trí tái định cư, giải quyết việc làm; đòi lại đất cũ, tranh chấp đất đai, nhà ở. Điển hình là công dân 3 xã Xuân Quan, Cửu Cao, Phụng Công (*huyện Văn Giang*) có đơn khiếu kiện đòi với việc thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị Thương mại - Du lịch Văn Giang (Ecopak); công dân xã Minh Hải, huyện Văn Lâm (đòi chia lại đất đất nông nghiệp theo Nghị quyết 03 của Tỉnh ủy Hải Hưng); công dân một số xã thuộc huyện Ân Thi đòi với việc thực hiện dự án đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng;...

1.3. Về nội dung tố cáo: Chủ yếu là tố cáo cán bộ, công chức làm sai chính sách, tiêu cực, tham nhũng trong quản lý đất đai, tài chính, đầu tư, xây dựng cơ bản, thực hiện chính sách xã hội, cổ phần hóa doanh nghiệp; thiếu trách nhiệm trong việc giải quyết KN, TC; bao che người bị tố cáo, chưa xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật.

2. Nguyên nhân phát sinh KNTC:

2.1. Nguyên nhân chủ quan:

- Trong thời gian dài trước đây, công tác quản lý đất đai lỏng lẻo, dẫn tới quản lý thiếu minh bạch, hành vi lấn chiếm đất, bán trái thẩm quyền,...diễn ra phổ biến nhiều nơi, cơ sở dữ liệu đất đai không được coi trọng; một bộ phận cán bộ, công chức đã lợi dụng chức quyền vi phạm, trục lợi từ đất đai, để lại những hậu quả nặng nề và gây ra những bức xúc trong dư luận xã hội.

- Công tác giải phóng mặt bằng để thực hiện các dự án phát triển kinh tế,

xã hội ở nhiều địa phương còn chậm, dẫn đến sự chênh lệch về quyền lợi giữa các hộ gia đình có cùng đặc điểm về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất đai, khi cơ chế, chính sách liên quan đến việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thay đổi.

- Công tác tiếp công dân của lãnh đạo và tiếp dân thường xuyên ở một sở, ngành, cấp huyện, cấp xã chưa hiệu quả; chưa gắn tiếp dân thường xuyên với tiếp dân của lãnh đạo theo quy định.

- Công tác phân loại, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo ở các cấp, các ngành chưa tốt; nhất là đối với đơn thư gửi nhiều nơi, vượt cấp...nên việc xử lý đơn thuộc thẩm quyền có trường hợp thiếu chính xác hoặc trùng lặp, dẫn đến người dân không đồng tình với kết quả giải quyết.

- Trong đối thoại với công dân (*đối với các trường hợp pháp luật bắt buộc phải đối thoại và các trường hợp phức tạp cần phải tổ chức đối thoại*), hiệu quả chưa cao, chưa làm sáng tỏ sự việc qua đối thoại, có biểu hiện né tránh.

- Công tác thanh tra, kiểm tra, xác minh, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo ở một số vụ việc còn kéo dài, chưa đảm bảo thời gian theo quy định của Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo; một số vụ việc, nội dung xác minh, biện pháp giải quyết thiếu thuyết phục, nên kết luận và quyết định giải quyết không có tính khả thi.

- Việc tổ chức thực hiện các quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định xử lý tố cáo chưa được coi trọng đúng mức; sau khi có quyết định giải quyết, xử lý, việc đôn đốc, tổ chức thực hiện còn thiếu tích cực.

- Nhận thức của người dân về chính sách, pháp luật đất đai và pháp luật về khiếu nại, tố cáo nhìn chung còn nhiều hạn chế, trong khi việc tuyên truyền, phổ biến của các cơ quan có trách nhiệm chưa tốt.

2.1. Nguyên nhân khách quan:

- Trong những năm qua, cơ chế, chính sách liên quan đến việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng còn bất cập, thay đổi nhiều, thiếu đồng bộ.

- Quy định của pháp luật về giải quyết khiếu nại, tố cáo với một số Luật khác có nội dung còn thiếu thống nhất.

III. KẾT QUẢ CÔNG TÁC TIẾP CÔNG DÂN, XỬ LÝ ĐƠN THƯ, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

1. Địa điểm, mô hình tổ chức, hoạt động của cơ quan tiếp công dân:

Thực hiện Quyết định số 858/QĐ-TTg ngày 14/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án Đổi mới công tác tiếp dân; ngày 30/7/2010, UBND tỉnh Hưng Yên đã ban hành Kế hoạch số 63/KH-UBND và Công văn số 1944/UBND-NC ngày 17/11/2010 triển khai thực hiện Đề án đến Thủ trưởng các sở, ngành, đoàn thể tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố.

Theo đó, thống nhất mô hình tổ chức và hoạt động của cơ quan tiếp công dân trên địa bàn tỉnh như sau: Ở tỉnh, tổ chức tiếp công dân chung tại Trụ sở Tiếp công dân của tỉnh, do Phòng Tiếp công dân thuộc Văn phòng UBND tỉnh đảm nhiệm; đối với Thanh tra tỉnh và sở, ngành tiếp tại Trụ sở cơ quan để tiếp nhận các vụ việc thuộc thẩm quyền. Ở các huyện, thành phố tổ chức tiếp công dân tại Văn phòng UBND huyện, thành phố. Ở xã, phường, thị trấn tổ chức tiếp công dân tại Trụ sở UBND xã, phường, thị trấn.

Ngày 08/3/2011, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 388/QĐ-UBND quy định (điều chỉnh, bổ sung) chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế của Văn phòng UBND tỉnh. Theo đó Văn phòng UBND tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn: Chủ trì, điều hòa, phối hợp việc tiếp công dân giữa các cơ quan tham gia tiếp công dân tại Trụ sở Tiếp công dân của tỉnh; quản lý, bảo đảm điều kiện vật chất cho hoạt động của Trụ sở Tiếp công dân của tỉnh; tiếp nhận, đơn đốc giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân. Từ ngày 01/01/2012, Văn phòng UBND tỉnh quản lý Trụ sở Tiếp công dân của tỉnh (trước đây do Thanh tra tỉnh quản lý). Về cơ cấu tổ chức, cán bộ tiếp công dân, gồm có 01 Phó Chánh văn phòng UBND tỉnh được giao phụ trách; công chức Phòng Tiếp công dân (01 Trưởng phòng, 01 Phó trưởng phòng và 03 chuyên viên...) thực hiện công tác tiếp dân thường xuyên tại Trụ sở Tiếp công dân.

Nhìn chung, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đều quan tâm công tác tiếp dân, giải quyết KNTC; đã bố trí địa điểm tiếp dân đúng quy định, đảm bảo các điều kiện cần thiết để thực hiện nhiệm vụ được giao; bố trí cán bộ tiếp dân, xử lý đơn thư là người có kinh nghiệm, kiến thức, am hiểu về pháp luật.

UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1925/QĐ-UBND ngày 22/9/2009, Quyết định số 23/2012/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 và Quyết định số 26/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 quy định đối tượng hỗ trợ và mức hỗ trợ đối với cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo trên địa bàn tỉnh.

2. Công tác tiếp công dân:

2.1. Kết quả tiếp công dân:

2.1.1. Tiếp dân thường xuyên:

Từ năm 2011 đến năm 2013, các cấp, các ngành trên địa bàn tỉnh đã tiếp 5.348 lượt, với 8.770 lượt công dân. Trong đó:

- + Cấp tỉnh: 2.199 lượt, với 4.074 lượt công dân;
- + Cấp huyện: 2.714 lượt, với 3.997 lượt công dân;
- + Cấp sở, ngành: 435 lượt, với 699 lượt công dân.

2.1.2. Tiếp dân định kỳ và đột xuất của lãnh đạo:

Lãnh đạo các cấp, các ngành đã tiếp: 485 lượt, với 2.984 lượt công dân; trong đó:

- + Lãnh đạo tỉnh tiếp: 41 lượt, với 903 lượt công dân;

+ Lãnh đạo cấp huyện tiếp: 352 lượt, với 1.851 công dân;

+ Lãnh đạo cấp sở, ngành tiếp: 92 lượt, với 230 công dân.

2.1.3. Số lượt đoàn đông người đã tiếp:

+ Tiếp thường xuyên: 188 lượt, với 3.209 lượt người (cấp tỉnh: 62 lượt; cấp huyện: 107 lượt; cấp sở: 19 lượt);

+ Tiếp định kỳ, đột xuất của lãnh đạo: 65 lượt với 2.238 người (cấp tỉnh: 10 lượt; cấp huyện: 43 lượt; cấp sở, ngành: 12 lượt)

(Có Biểu số 1 kèm theo)

3. Kết quả giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền:

3.1. Giải quyết đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền:

- Số vụ khiếu nại thuộc thẩm quyền: 46; đã giải quyết là: 40 vụ, đạt tỷ lệ 86,95%; Còn 6 vụ việc thuộc thẩm quyền đang được thụ lý, giải quyết.

- Phân tích từ những vụ việc có kết luận và quyết định giải quyết cho thấy: Số vụ khiếu nại đúng: 3 (7,5%); khiếu nại sai: 20 (50%); có đúng có sai: 17 (42,5%).

(Có Biểu số 2 kèm theo)

3.2. Giải quyết đơn tố cáo thuộc thẩm quyền:

- Số vụ tố cáo thuộc thẩm quyền: 47; đã giải quyết: 39, đạt tỷ lệ 82,98%.

- Phân tích từ các vụ việc đã có kết luận, quyết định xử lý cho thấy: Số đơn tố cáo đúng: 8 (20,51%); tố cáo sai: 8 (20,51%); có đúng có sai: 23 (58,98%).

- Qua giải quyết tố cáo đã phát hiện sai phạm và thu hồi nộp ngân sách nhà nước số tiền: 76 triệu đồng, 5.852m² đất; kiến nghị xử lý hành chính 5 người.

(Có Biểu số 3 kèm theo)

4. Việc giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp, tồn đọng:

Căn cứ các Kế hoạch của Thanh tra Chính phủ số 319/KH-TTCP ngày 02/2/2009, số 1130/KH-TTCP ngày 10/5/2012 về việc kiểm tra, rà soát các vụ việc KNTC tồn đọng, bức xúc, kéo dài; số 2100/KH-TTCP ngày 19/9/2013 về tiếp tục kiểm tra, rà soát, giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp, tồn đọng; UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2037/QĐ-UBND ngày 25/10/2013 kèm theo Kế hoạch thực hiện Kế hoạch số 2100/KH-TTCP của Thanh tra Chính phủ; nội dung Kế hoạch xác định rõ mục đích, yêu cầu, nội dung phải thực hiện; giao Thanh tra tỉnh chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh kiểm tra, theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch, định kỳ tổng hợp, báo cáo Thanh tra Chính phủ và UBND tỉnh.

Theo kết quả rà soát, trên địa bàn tỉnh có 14 vụ khiếu kiện tồn đọng, kéo dài (7/528 vụ do Thanh tra Chính phủ rà soát theo Kế hoạch số 1130/KH-TTCP ngày 10/5/2012 của Thanh tra Chính phủ; 7 vụ Thanh tra tỉnh và các địa phương đang rà soát, giải quyết theo Kế hoạch số 2100/KH-TTCP ngày 19/9/2013). Trong đó: 5 vụ đã ban hành Thông báo chấm dứt thụ lý, 2 vụ việc đang đôn đốc thực hiện; 7 vụ việc đang tiếp tục rà soát, giải quyết. Thanh tra tỉnh đã có văn

bản yêu cầu các huyện, thành phố thống kê, tập hợp các vụ khiếu kiện trên địa bàn thông qua nguồn tiếp công dân và nhận đơn thư để có cơ sở dữ liệu, phối hợp với Phòng Tiếp công dân của Văn phòng UBND tỉnh nắm tình hình, tiếp tục kiểm tra, rà soát, giải quyết các vụ việc KNTC phức tạp, còn tồn đọng.

IV. THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC TRONG QUÁ TRÌNH GIẢI QUYẾT

1. Thuận lợi:

- Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện trên cơ sở hành lang pháp lý tương đối đầy đủ, đồng bộ, rõ ràng(từ Luật đến Nghị định và các Thông tư, Văn bản hướng dẫn khác); Công tác chỉ đạo quyết liệt từ Trung ương đến địa phương.

- Thủ trưởng các cấp, các ngành luôn nhận thức đầy đủ vai trò, trách nhiệm của công tác tiếp công dân và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo; đã quan tâm chỉ đạo, tổ chức thực hiện tốt công tác này, nên việc tiếp công dân và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo đã từng bước đi vào nề nếp, góp phần ổn định tình hình chính trị, an ninh trật tự tại địa phương.

- Sự phối hợp giữa các đơn vị chức năng với nhau, giữa các cơ quan chức năng cấp trên với chính quyền địa phương được tăng cường, kịp thời xử lý các tình huống, vụ việc phức tạp nên hiệu quả giải quyết cao hơn.

2. Khó khăn, vướng mắc:

- Tình trạng lấn chiếm đất đai, chuyển nhượng không đúng pháp luật (mua bán trao tay) của người dân có xu hướng tăng, làm phát sinh các khiếu kiện.

- Việc xác minh nguồn gốc đất không có hồ sơ, giấy tờ lịch sử không rõ ràng, việc quy định hạn mức đất ở vẫn là những vấn đề khó khăn, vướng mắc dễ phát sinh khiếu kiện, tranh chấp đất đai.

- Việc giao đất trái thẩm quyền, không đúng đối tượng, giao sai diện tích, vị trí; sử dụng tiền thu từ đất sai quy định của pháp luật hoặc người sử dụng đất đã làm đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định, nhưng không được hợp thức quyền sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Năng lực, trình độ của một số cán bộ tiếp công dân của một số cơ quan, đơn vị, địa phương còn hạn chế, hiểu biết về văn bản pháp luật chuyên ngành đất đai chưa sâu; dẫn tới việc giải thích, hướng dẫn cho công dân còn chưa thuyết phục; công tác phối hợp xử lý đơn thư và theo dõi quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo chưa xuyên suốt và hiệu quả; việc đánh giá, theo dõi kết quả thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại, xử lý tố cáo ở một số nơi chưa được coi trọng đúng mức.

- Về phía công dân: Nhiều người có nhận thức về pháp luật nói chung, pháp luật về khiếu nại, tố cáo còn hạn chế, nhất là chưa nắm được quyền lợi, nghĩa vụ của người khiếu nại, tố cáo; một số người cố tình không hợp tác với cơ quan có thẩm quyền. Một số đối tượng lợi dụng quyền khiếu nại, tố cáo và sự nhẹ dạ cả tin của một bộ phận nhân dân, lôi kéo, kích động, nên khi được cán bộ

có trách nhiệm tiếp hoặc đối thoại với người giải quyết, đã cố tình gây khó khăn, không chấp hành sự hướng dẫn, nội quy, quy chế của nơi tiếp công dân.

Vì vậy, nhiều vụ việc khiếu nại, tố cáo đã được các cấp, các ngành cố gắng vận dụng chính sách giải quyết có lý, có tình, phù hợp với tình hình thực tế và đúng quy định của pháp luật; đã được đối thoại trực tiếp nhiều lần, nhưng do nhiều động cơ khác nhau, người khiếu nại, tố cáo vẫn cố tình đeo bám, khiếu kiện kéo dài, làm cho tình hình trở nên ngày càng phức tạp hơn.

V. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

1. Đề nghị Chính phủ, các Bộ, Ngành sớm ban hành Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Tiếp công dân, Luật Đất đai sửa đổi năm 2013; sớm sửa đổi Nghị định 42/NĐ-CP về quản lý đất lúa.

2. Đề nghị Thanh tra Chính phủ, Trụ sở tiếp công dân của Trung ương và các cơ quan trung ương phối hợp giải thích, hướng dẫn các công dân của tỉnh khiếu nại, tố cáo vượt cấp chấp hành các quyết định giải quyết của tỉnh (đã giải quyết đúng thẩm quyền, đúng quy định của pháp luật), không chuyển đơn về địa phương.

UBND tỉnh Hưng Yên trân trọng báo cáo. *Ch*

Nơi nhận:

- Ủy ban pháp Luật của Quốc hội;
- Đoàn giám sát UBPL Quốc hội;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Thanh tra tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Lãnh đạo văn phòng;
- TCD^{S+Đ};
- Lưu VP, CVNC^T.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Minh Ngọc
Đặng Minh Ngọc

TỔNG HỢP KẾT QUẢ CÔNG TÁC TIẾP DÂN VÀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

Từ năm 2011 đến năm 2013

(Kèm theo Báo cáo số: 28 /BC-UBND ngày 26/02/2014 của UBND tỉnh Hưng Yên)

TT	Cơ quan, đơn vị tổ chức tiếp CD	Tiếp thường xuyên						Tiếp định kỳ và đột xuất của lãnh đạo						Số VB về qly, chỉ đạo công tác KNTC được ban hành	Tập huấn, tuyên truyền		Thanh tra, kiểm tra trách nhiệm		Kiểm tra việc thực hiện quyết định đã có hiệu lực PL (số QĐ được kiểm tra)	Ghi chú
		Tổng số lượt tiếp			Trong đó: Đoàn đông người			Tổng số lượt tiếp			Trong đó: Đoàn đông người				Lớp	Người	Số cuộc kiểm tra	Số đơn vị kiểm tra		
		Lượt	Người	Số vụ	Số đoàn	Người	Số vụ	Lượt	Người	Số vụ	Số đoàn	Người	Số vụ							
A	B	1	2	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
	Năm 2011	1.174	2.150	833	56	956	41	161	832	116	25	738	18	75	2	400	29	84	0	
	Cấp tỉnh	317	1026	214	20	612	13	16	567	11	7	511	3	18	2	400	6	10		
	Cấp huyện	720	972	521	30	275	22	93	167	68	12	158	9	42			23	74		
	Cấp sở	137	152	98	6	69	6	52	98	37	6	69	6	15						
	Năm 2012	1.860	3.546	863	78	1478	64	146	683	102	28	517	27	28	6	745	12	61		
	Cấp tỉnh	868	1.791	468	23	725	16	13	141	13	2	159	2	18	1	115	6	11		
	Cấp huyện	931	1.593	360	49	633	42	120	453	76	22	278	21	10	5	630	6	50		
	Cấp sở	61	162	35	6	120	6	13	89	13	4	80	4	0	0	0	0	0		
	Năm 2013	2.314	3.074	1.092	54	775	41	178	1.469	70	12	983	12	28	22	2.407	29	96	0	
	Cấp tỉnh	1014	1257	510	19	407	13	12	195	12	1	100	1	18	2	157	11	11		
	Cấp huyện	1063	1432	508	28	238	21	139	1231	38	9	853	9	10	20	2250	18	85		
	Cấp sở	237	385	74	7	130	7	27	43	20	2	30	2							
	Tổng số	5.348	8.770	2.788	188	3.209	146	485	2.984	288	65	2.238	57	131	30	3.552	70	241	0	
	Cấp tỉnh	2.199	4.074	1.192	62	1.744	42	41	903	36	10	770	6	54	5	672	23	32	0	
	Cấp huyện	2.714	3.997	1.389	107	1.146	85	352	1.851	182	43	1.289	39	62	25	2.880	47	209	0	
	Cấp sở	435	699	207	19	319	19	92	230	70	12	179	12	15	0	0	0	0	0	

Handwritten signature

TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT ĐƠN TỐ CÁO

Từ năm 2011 đến năm 2013

(Kèm theo Báo cáo số: 28 /BC-UBND ngày 27/02/2014 của UBND tỉnh Hưng Yên)

A	B	Nhận đơn/ vụ việc				Kết quả giải quyết						Chấp hành thời gian giải quyết theo quy định		Kiến nghị thu hồi cho Nhà nước		Trả lại cho công dân		Kiến nghị xử lý hành chính (người)	Chuyển cơ quan điều tra		Việc thi hành quyết định xử lý tố cáo					
		Tổng số đơn	Trong đó		Tổng số vụ việc	Thuộc thẩm quyền	Đã giải quyết	Phân tích kết quả				Số vụ việc giải quyết đúng và trước thời hạn	Số vụ việc giải quyết chậm, vượt quá thời hạn	Tiền (trđ)	Đất (m2)	Tiền (trđ)	Đất (m2)		Vụ	Người	Tổng số quyết định phải tổ chức thực hiện trong kỳ báo cáo	Trong đó				
			Đơn nhận trong kỳ báo cáo	Đơn tồn kỳ trước chuyển sang				Số đơn tố cáo phân tích	Tố cáo đúng	Tố cáo sai	Tố cáo có đúng, có sai											Số QĐ ban hành trong kỳ báo cáo	Số QĐ ký trước chuyển sang	Đã thực hiện		
																									5	6
Năm 2011		153	153	0	114	10	10	10	1	2	7	7	3	60	0	0	0	0	0	0	0	0	10	10	0	10
	Cấp tỉnh	50	50		34	0																				
	Cấp huyện	82	82		62	9	9	9		2	7	6	3	60									9	9		9
	Cấp sở	21	21		18	1	1	1	1			1											1	1		1
Năm 2012		192	186	6	154	16	16	16	1	6	9	10	6	0	0	0	0	0	0	0	0	0	14	10	4	14
	Cấp tỉnh	52	52		31	0																				
	Cấp huyện	107	101	6	90	12	12	12	1	4	7	6	6										10	6	4	10
	Cấp sở	33	33		33	4	4	4		2	2	4											4	4		4
Năm 2013		231	231	0	159	21	13	13	6	0	7	13	0	16	5.852	0	0	5	0	0	0	20	16	4	20	
	Cấp tỉnh	79	79		52																					
	Cấp huyện	124	124		86	16	9	9	2		7	9		16	5.852			5					16	12	4	16
	Cấp sở	28	28		21	5	4	4	4			4											4	4		4
Tổng		576	570	6	427	47	39	39	8	8	23	30	9	76	5.852	0	0	5	0	0	0	44	36	8	44	
	Cấp tỉnh	181	181	0	117	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Cấp huyện	313	307	6	238	37	30	30	3	6	21	21	9	76	5.852	0	0	5	0	0	0	0	0	0	0	0
	Cấp sở	82	82	0	72	10	9	9	5	2	2	9	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	9	9	0	9